

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ E-ĐKCT phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-E-HSMT.

E-ĐKC 1.3	<p>Chủ đầu tư: Công ty Truyền tải điện 2 –CN Tổng công ty Truyền tải điện quốc gia</p> <p>Địa chỉ: số 478 đường 2/9, phường Hòa Cường, thành phố Đà Nẵng</p> <p>Đại diện: Ông Lê Đình Chiến Chức vụ: Giám đốc</p> <p>Địa chỉ: số 478 đường 2/9, phường Hòa Cường, thành phố Đà Nẵng</p> <p>Điện thoại: 0236 2225610/12/08 Fax: 0236 2225610/112/08</p>
E-ĐKC 1.5	Địa điểm cung cấp dịch vụ là: Chi tiết như Chương V của E-HSMT
E-ĐKC 1.11	Nhà thầu: _____ [<i>ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu</i>].
E-ĐKC 2.2 (i)	<p>Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none">- Tài liệu kỹ thuật liên quan theo yêu cầu tại Chương V. Yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT;- Các tài liệu khác có liên quan được nêu cụ thể trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng.- Công khai thông tin về quy định của Tập đoàn điện lực Việt Nam khi đánh giá quá trình thực hiện Hợp đồng:<ul style="list-style-type: none">+ Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) đã có Quyết định số 514/QĐ-EVN ngày 17/04/2025 Về việc ban hành Hướng dẫn về đánh giá kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam (Quyết định 514).+ Quyết định 514 nêu trên đã được đăng tải trên mục Văn bản pháp quy của Hệ thống Thông tin Quản lý Đấu Thầu của EVN tại địa chỉ https://dauthau.evn.com.vn/.+ Đề nghị các nhà thầu truy cập đường dẫn tại địa chỉ https://dauthau.evn.com.vn/ để tìm hiểu các thông tin quy định của EVN trong quá trình hiện Hợp đồng.
E-ĐKC 4.1	<p>Các thông báo cần gửi về Chủ đầu tư theo địa chỉ dưới đây:</p> <p>Người nhận: Công ty Truyền tải điện 2.</p> <p>Địa chỉ: số 478 đường 2/9, phường Hòa Cường, thành phố Đà Nẵng.</p>

E-ĐKC 5.2

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: **3%** giá hợp đồng.
- Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được nộp cho Chủ đầu tư/Chủ đầu tư trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày Chủ đầu tư phát hành Thư chấp thuận E- HSDT và trao hợp đồng. Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng được thực hiện bằng cách nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam và là bảo đảm không có điều kiện (trả tiền khi có yêu cầu, theo Mẫu số 19 Phần 4. Bảo đảm thực hiện hợp đồng.
- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành bảo lãnh hoặc ngày hợp đồng có hiệu lực (tùy điều kiện nào đến trước) cho đến hết ngày thứ 30 sau khi Bên B hoàn thành tất cả Công việc của Hợp đồng. Trường hợp bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực trước ngày quy định nêu trên nhưng Bên B vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng, Bên B sẽ chịu trách nhiệm gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng và thanh toán chi phí cho việc gia hạn này.
- Trường hợp Bên B là nhà thầu liên danh thì từng thành viên phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên A, mức bảo đảm tương ứng với phần giá trị hợp đồng mà mỗi thành viên thực hiện. Nếu Liên danh có thỏa thuận nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng thì nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị là 10 phần trăm (%) giá trị của hợp đồng cho Bên A và từng thành viên liên danh phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà thầu đứng đầu liên danh tương ứng với giá trị hợp đồng do mình thực hiện.
- Trong quá trình thực hiện hợp đồng Bên B phải đảm bảo giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là 10 phần trăm (%) giá trị của hợp đồng đối với mọi trường hợp.
- Tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau:
 - + Bên B từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực;
 - + Bên B vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;
 - + Bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng;
 - + Bên B không gia hạn bảo lãnh đúng hạn theo quy định của Hợp đồng;
 - + Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền thanh toán cho

	<p>hợp đồng này sai mục đích.</p> <p>+ Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh.</p> <p>- Nếu Bên B chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng tại thời điểm 30 ngày trước ngày Bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực thì Bên B phải gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị, hiệu lực phù hợp với quy định như trên và nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày.</p> <p>- Trường hợp Dự án được nghiệm thu, bàn giao và đưa vào sử dụng, tuy nhiên Nhà cung cấp vẫn chưa hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng thì Nhà cung cấp phải gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng theo quy định.</p> <p>Khi Bên B vi phạm hợp đồng và Bên A khấu trừ một phần bảo lãnh do nhà thầu vi phạm thì Bên B phải có trách nhiệm bổ sung giá trị bảo đảm bị khấu trừ để Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng phải là 10% giá hợp đồng.</p>
E-ĐKC 5.4	<p>Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Không chậm hơn 30 ngày kể từ khi Bên B hoàn thành nghĩa vụ của Hợp đồng.</p> <p>Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong các trường hợp theo quy định tại khoản 6 Điều 68 của Luật đấu thầu số 22/2023/QH15.</p>
E-ĐKC 6.1	<p>Danh sách nhà thầu phụ: <i>[ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSĐT]</i>.</p>
E-ĐKC 6.2	<p>Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: Không áp dụng.</p>
E-ĐKC 6.4	<p>Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ</p> <p>Không áp dụng</p>
E-ĐKC 10.1	<p>Loại hợp đồng: Trọn gói.</p>
E-ĐKC 10.2	<p>Giá hợp đồng: Cố định.</p>
E-ĐKC 11	<p>Điều chỉnh thuế: Được phép.</p> <p>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời Nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh</p>

	lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.
E-ĐKC 12.1	Tạm ứng: Không
E-ĐKC 13.1	<p>1. Phương thức thanh toán:</p> <p>Hình thức thanh toán: Chuyển khoản. Bên B chịu phí chuyển tiền</p> <p>Phương thức thanh toán: Theo từng Tháng, trong vòng 30 ngày khi Bên B cung cấp đủ các hồ sơ</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giấy đề nghị thanh toán của Bên B. + Bảng chấm công, danh sách bảo vệ (02 bản gốc). + Nhật ký bảo vệ có xác nhận của đơn vị trưởng mục tiêu bảo vệ (02 bản gốc). + Biên bản nghiệm thu giữa Bên A và Bên B (02 bản gốc). + Biên bản xác nhận nội dung, chất lượng, khối lượng công việc do người có thẩm quyền của đơn vị quản lý tài sản xác nhận (02 bản gốc). + Xác nhận chất lượng dịch vụ ký giữa 2 bên được đánh giá “đạt” mới thanh toán. (02 bản gốc). + Hóa đơn GTGT tương ứng giá trị thanh toán thực tế theo quy định của Bộ Tài Chính <p>2. Bảo hành: Không áp dụng</p> <p>- Việc thanh toán Tuân thủ theo nội dung được nêu tại Quy định quản lý, thanh toán vốn đầu tư trong EVNNPT.</p>
E-ĐKC 13.2	<p>Giảm trừ thanh toán: có áp dụng.</p> <p>Trừ trường hợp bất khả kháng, khi bên B vi phạm về chất lượng dịch vụ, bên B phải chịu phạt trừ vào giá trị thanh toán hàng tháng nếu bên B không làm đúng nội dung hợp đồng làm ảnh hưởng đến bên A</p>
E-ĐKC 15	<p>1. Phạt vi phạm hợp đồng : Áp dụng.</p> <p>Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 16 E-ĐKC, nếu Nhà thầu không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Chủ đầu tư có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền phạt tương ứng với : 1%/tuần cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Chủ đầu tư sẽ khấu trừ đến 8%. Khi đạt đến mức phạt tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 19 E-ĐKC.</p> <p>Trường hợp không kịp thời khắc phục sai sót theo thông báo của Chủ đầu tư, Nhà thầu có trách nhiệm nộp tiền phạt thực hiện hợp đồng tương ứng với 100% chi phí cần thiết để khắc phục sai sót.</p>

	<p>2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng.</p> <p>Trường hợp áp dụng bồi thường thiệt hại thì quy định về bồi thường thiệt hại theo một trong các cách thức sau: Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế;</p> <p>+ Ngoài mức phạt theo thỏa thuận nêu trên, Nhà thầu còn phải bồi thường các thiệt hại cho Chủ đầu tư và bên thứ 3 (nếu có) trong trường hợp do các sai sót, do hành vi vi phạm hợp đồng của Nhà thầu dẫn đến thiệt hại cho Chủ đầu tư và bên thứ 3 (nếu có) về người và tài sản trong thời gian thực hiện hợp đồng. Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế.</p> <p>+ Ngoài mức phạt/bồi thường thiệt hại do vi phạm nghĩa vụ hoàn thành hợp đồng nêu trên, Chủ đầu tư cảnh cáo nhà thầu bằng văn bản làm cơ sở để đánh giá uy tín của nhà thầu thông qua tiến độ và chất lượng thực hiện các hợp đồng. Việc cảnh cáo sẽ được báo cáo EVNNPT, niêm yết tại trang web nội bộ của EVNNPT và thông báo đến toàn thể các đơn vị thành viên của EVNNPT. Đồng thời, Tập đoàn Điện lực Việt Nam sẽ phê duyệt kết quả đánh giá chất lượng nhà thầu để làm cơ sở đánh giá uy tín nhà thầu. Nhà thầu truy cập mục văn bản pháp quy Hệ thống Thông tin Quản lý Đấu thầu của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) tại địa chỉ http://dauthau.evn.com.vn để nắm bắt được các thông tin:</p> <p>+ Quy định của EVN khi đánh giá quá trình thực hiện Hợp đồng và cập nhật kết quả đánh giá.</p> <p>+ Quy định của EVN về việc áp dụng kết quả đánh giá.</p>
E-ĐKC 17.1(c)	Các nội dung khác về sửa đổi hợp đồng: _____ [nêu cụ thể các nội dung khác (nếu có)].
E-ĐKC 17.4	Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0% giá trị giảm giá hợp đồng.
E-ĐKC 18 (e)	Các trường hợp khác: _____ [ghi các trường hợp khác (nếu có) phù hợp với quy định của pháp luật]
E-ĐKC 20.1	Chủ đầu tư thực hiện đánh giá chất lượng dịch vụ phi tư vấn theo nguyên tắc và cách thức như sau: Theo tiến độ, chất lượng dịch vụ. Ngoài ra, Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) đã có Quyết định số 61/QĐ-EVN ngày 27/01/2023 v/v ban hành Quy trình và bộ tiêu chí đánh giá chất lượng nhà thầu thực hiện hợp đồng trong Tập đoàn Điện lực Quốc Gia Việt Nam (quyết định 61).

	<p>- Quyết định 61 nêu trên đã được đăng tải trên mục Văn bản pháp quy của Hệ thống Thông tin Quản lý Đấu Thầu của EVN tại địa chỉ https://dauthau.evn.com.vn/.</p> <p>Đề nghị các nhà thầu truy cập đường dẫn tại địa chỉ http://dauthau.evn.com.vn để tìm hiểu các thông tin quy định của EVN trong quá trình hiện Hợp đồng.</p> <p>Thời hạn trách nhiệm đối với sai sót: Từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi các bên hoàn thành nghĩa vụ theo qui định của hợp đồng.</p> <p>Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Nhà thầu phải thông báo kịp thời cho Chủ đầu tư bất kỳ sự thay đổi nào so với nội dung trong E-HSMT, hợp đồng và chỉ ra sự thay đổi đó, để Chủ đầu tư xem xét (kể cả trong quá trình phê duyệt tài liệu kỹ thuật). Trong trường hợp có sự thay đổi nội dung mà Nhà thầu không thông báo kịp thời cho Chủ đầu tư, gây ảnh hưởng đến tiến độ đóng điện thì Nhà thầu được xem là vi phạm hợp đồng.</p>
E-ĐKC 21.2	<p>Thời gian Nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: 03 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu thay thế nhân sự của Chủ đầu tư/ đại diện Chủ đầu tư.</p>
E-ĐKC 22.2	<p>- Thời gian để tiến hành hòa giải: 30 ngày từ khi phát sinh tranh chấp (hoặc một thời gian khác do hai bên thoả thuận vào khi tranh chấp phát sinh).</p> <p>- Giải quyết tranh chấp: Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc thì hai bên phải cùng bàn bạc giải quyết. Sau thời gian quy định trên nếu Bên A và Bên B không thể giải quyết được vấn đề tranh chấp thì hai bên chọn Toà án cấp có thẩm quyền có địa điểm đặt tại địa bàn Bên A để được xét xử giải quyết. Phán quyết của Toà án là tối thượng cuối cùng buộc hai bên phải chấp hành. Bên có lỗi chịu mọi chi phí liên quan đến Toà án.</p>